

Số : /HD-STC

Nam Định, ngày tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN
XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023,
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2023-2025

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025.

Sở Tài chính tỉnh Nam Định hướng dẫn một số nội dung cơ bản về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022

1. Căn cứ đánh giá nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022

- Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định năm 2022; số 58/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh và kế hoạch đầu tư công tỉnh Nam Định năm 2022.

- Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh về việc Quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và các Quyết định của UBND tỉnh về phân bổ kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ bổ sung trong năm.

- Các Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022, số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình; số 54/NQ-CP ngày 12/4/2022 về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng.

- Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

- Các văn bản của cấp có thẩm quyền về chế độ thu thuế, phí, lệ phí; chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp về thu tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân; các quy định về cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có) tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2022.

- Tình hình thực hiện các nhiệm vụ NSNN 7 tháng đầu năm, các cấp, các ngành đề ra các giải pháp phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trong những tháng còn lại đã được HĐND quyết định.

Ngoài ra, các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố khi thực hiện đánh giá kết quả thu chi NSNN năm 2022 cần bám sát các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra công tác cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, chống chuyển giá, thu hồi nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách cải cách tiền lương, chính sách đối với gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo; bảo đảm kinh phí cho quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự xã hội.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2022

Đánh giá thực hiện thu NSNN theo đúng quy định của Luật NSNN, quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

Căn cứ kết quả thu NSNN 7 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện thu những tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố tác động tăng, giảm thu, kiến nghị các giải pháp điều hành thu để phấn đấu thực hiện cao nhất dự toán thu NSNN đã được HĐND các cấp thông qua. Khi đánh giá cần tập trung phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tăng giảm thu NSNN năm 2022, chú ý làm rõ: Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực và tình hình, xu hướng phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch Covid-19; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tốc độ tăng trưởng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

- Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện các biện pháp về thu theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 18/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các giải pháp để thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế: Đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 7 tháng đầu năm 2022; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2022 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2022. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Đánh giá tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng và dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2022 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế giá trị gia tăng) theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết số 132/2020/QH14 về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh, kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế; thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan; thu ngân sách từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, khai thác mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

- Báo cáo kết quả công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN); thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác trong 7 tháng đầu năm và ước thu cả năm 2022 theo Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đánh giá các khoản thu của các đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN), trên cơ sở đó xác định mức độ tự chủ của từng đơn vị; đánh giá các khoản thu phí được để lại theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; các khoản thu không cân đối vào ngân sách, như: phí được để lại đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

Riêng đối với ngân sách cấp xã cần phải phân tích đánh giá cụ thể số thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, đất công xã đang quản lý và thu khác ngân sách, đảm bảo phản ánh trung thực, đúng thực tế nội dung kinh tế phát sinh; những trường hợp dùng tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất nộp vào thu hoa lợi công sản; những hợp đồng thầu khoán nhiều năm thu một lần; các xã có thu phí cầu; tiền tận thu từ diện tích đất đã quy hoạch các dự án và một số nội dung khác phải thuyết minh chi tiết từng xã, dự án (báo cáo thuyết minh số thu tại xã phải có xác nhận của Kho bạc nhà nước, UBND các huyện, thành phố).

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2022

3.1. Đánh giá công tác bố trí và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT):

a) Đối với dự toán chi ĐTPT hàng năm (không bao gồm nhiệm vụ thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP)

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tình hình bố trí và giao dự toán chi ĐTPT năm 2022, bao gồm cả nguồn NSNN và nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: Việc bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi ĐTPT cho các dự án, công trình trong năm 2022 theo Luật Đầu tư công; thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ XDCB thuộc nguồn NSNN.

- Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2022 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2022 theo quy định), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

+ Các chương trình, dự án đầu tư công: Việc giải ngân vốn đến hết tháng 7 năm 2022, báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2023; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP, đề nghị chi tiết nguồn vốn NSDP; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn ngoài nước, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết theo từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2021, kế hoạch vốn năm 2022 - kể cả

vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2022 kèm theo thuyết minh); khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

+ Đối với chi ĐTPT từ nguồn thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất: Tình hình thu, nộp ngân sách và việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2022 từ nguồn thu này. Trường hợp phát sinh nguồn thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 nhưng chưa có dự toán đầu năm và đã có nhiệm vụ chi từ nguồn này đầy đủ điều kiện, thủ tục thực hiện, thì cơ quan, đơn vị báo cáo thành một mục riêng trong báo cáo dự toán NSNN năm 2023 để trình các cấp thẩm quyền bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn), đồng thời bổ sung dự toán thu, chi năm 2022 theo quy định.

+ Đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2022 (chi tiết theo từng dự án).

- Chi ĐTPT theo hình thức hợp tác công tư theo Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

- Tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công và tác động đến NSNN (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2022 (nếu có).

- Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và số vốn còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 7 năm 2022, dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

b) Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi ĐTPT theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng) theo từng chương trình, dự án, từng lĩnh vực chi:

- Tình hình phân bổ, giao, điều chuyển, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tách riêng các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các nhiệm vụ được điều chuyển, bổ sung nguồn vốn của Chương trình, theo từng lĩnh vực chi.

+ Tình hình phân bổ, điều chuyển, giao, bổ sung dự toán chi ĐTPPT các chương trình, dự án, nhiệm vụ thuộc Chương trình phục hồi.

+ Tình hình phân bổ, điều chuyển, giao, bổ sung dự toán chi ĐTPPT các chương trình, dự án, nhiệm vụ không thuộc Chương trình phục hồi.

- Tình hình triển khai thực hiện

+ Tình hình giải ngân các chương trình, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tình hình giải ngân các chương trình, dự án không thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được điều chuyển, bổ sung dự toán.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPPT khác của NSNN năm 2022:

a) Đối với các nhiệm vụ tín dụng hằng năm (không bao gồm nhiệm vụ thực hiện theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP)

Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2022 (huy động vốn, phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; tăng trưởng tín dụng, giải ngân, thu nợ gốc, dư nợ cho vay; NSNN cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý,...); việc cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay.

b) Đối với các nhiệm vụ tín dụng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP

Tình hình giao, bổ sung dự toán, hướng dẫn, thanh toán hỗ trợ lãi suất cho ngân hàng thương mại cho vay hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ NSNN đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (Nghị định số 31/2022/NĐ-CP).

3.3. Tình hình thực hiện xã hội hóa năm 2022:

Đánh giá tình hình thực hiện năm 2022 về tổng nguồn lực và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

3.4. Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPPT.

4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 (kể cả nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP)

4.1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 7 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao, trong đó bên cạnh việc đánh giá các nhiệm vụ chi theo dự toán, tập trung làm rõ tình hình thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đối với các nhiệm vụ chi an ninh, quốc phòng được áp dụng cơ chế sử dụng nguồn chi thường xuyên NSNN theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị đánh giá việc triển khai thực hiện theo quy định.

Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn nguồn chi thường xuyên của NSNN của từng Sở, ngành, lĩnh vực, huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện.

4.2. Đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ, cơ chế, chính sách và chế độ chi tiêu trong năm 2021 của các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố; đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục ngay trong năm 2022, cụ thể:

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách, chế độ kết thúc; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2022 và lũy kế thực hiện đến hết năm 2022, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung đánh giá mức độ hoàn thành của các mục tiêu đề ra: số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy (đối với các trường hợp đánh giá đến hết năm 2022 chưa hoàn thành mục tiêu tại các Kết luận, Nghị quyết nêu trên, cơ quan, đơn vị giải trình cụ thể khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân); số kinh phí NSNN tiết kiệm được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy, trong đó số sử dụng để thực hiện cải cách tiền lương; số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các quy định của Chính phủ.

- Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập:

- + Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa XII,

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công trong 7 tháng đầu năm, ước cả năm 2022 và lũy kế đến hết năm 2022; trong đó: đánh giá cụ thể việc thực hiện lộ trình giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các trường hợp có lộ trình khác, nhất là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, dịch vụ giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp tại cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ quan, đơn vị báo cáo cụ thể mức độ dự kiến đạt được đến hết năm 2022, giải trình nguyên nhân, tiến độ báo cáo và phê duyệt của các cấp có thẩm quyền (nếu có); trên cơ sở đó, đánh giá chi tiết việc thực hiện từng mục tiêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW (cụ thể dự kiến số lượng và mức độ tự chủ của từng đơn vị; từng nguồn tài chính (nguồn NSNN, nguồn thu sự nghiệp), từng nhiệm vụ chi đối với từng đơn vị, từng lĩnh vực sự nghiệp; tổng số biên chế và số lượng biên chế hưởng lương từ NSNN theo từng lĩnh vực sự nghiệp vào thời điểm năm 2022).

+ Tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến việc bố trí NSNN theo từng lĩnh vực trong năm 2022, lũy kế đến hết năm 2022 và việc sử dụng số kinh phí NSNN dành ra từ việc nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại không đưa vào cân đối NSNN; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết lĩnh vực chi.

- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP.

5. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình, dự án, đề án khác do các Sở, ngành, huyện, thành phố thực hiện năm 2022

- Các Sở, ngành, huyện, thành phố đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG), các chương trình mục tiêu (CTMT) năm 2022; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong triển khai.

- Đối với các nhiệm vụ thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 cần tiếp tục thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dưới dạng chương trình, dự án, đề án giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, được giao dự toán, bổ sung hoặc đang trình bổ sung kinh phí năm 2022,

các Sở, ngành, huyện, thành phố báo cáo tình hình ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện năm 2022 theo từng lĩnh vực chi. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn ngoài nước, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

+ Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2022 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá rà soát việc giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

+ Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban quản lý dự án và các cơ quan có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

6. Đánh giá tình hình thực hiện tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2022

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố báo cáo về việc thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

7. Đối với các huyện, thành phố, ngoài các nội dung nêu trên, cần chú ý tập trung đánh giá thực hiện một số nội dung sau

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính của địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

- Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu do thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trường hợp có hụt thu, các huyện, thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 2600/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2022 (báo cáo cụ thể đối tượng, kinh phí thực hiện).

- Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo các quy định; việc bố trí ngân sách và sử dụng dự phòng ngân sách địa phương thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách địa phương đến ngày 31/7/2022, số dự kiến sử dụng trong những tháng cuối năm 2022.

- Việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, khả năng giải ngân cả năm đối với nhiệm vụ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp theo Nghị quyết số 43/2022/QH15. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương; thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

8. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2022

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 7 tháng và dự kiến cả năm 2022; các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

II. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023

Các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 căn cứ theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật, văn bản tài chính có liên quan của Trung ương và của Tỉnh, trong đó tập trung một số nội dung cơ bản sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu

Dự toán NSNN năm 2023 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; có đầy đủ thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; phù hợp với nguyên tắc phân bổ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh; kế hoạch, tiến độ triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết 18/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2022, Các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2023, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023, phù hợp với khả năng nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định); triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai, phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN.

- Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định tại Điều 50 Luật NSNN.

- Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan, diễn biến phục hồi của nền kinh tế, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN.

Việc xây dựng dự toán thu năm 2023 bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong nước và của tỉnh, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; các tác động thu ngân sách gắn với thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15, Nghị quyết 18/2022/UBTVQH15.

Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản và các nguồn thu từ đơn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá,

gian lận thương mại, trốn thuế, quản lý chặt chẽ giá tính thuế; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác của nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 7-9% so với ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2023 tăng khoảng 4-6% so với ước thực hiện năm 2022.

2.1. Xây dựng dự toán thu nội địa:

- Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa năm 2023 ngoài việc đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN, trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2022, những đặc thù của năm 2023 và số kiểm tra dự toán thu năm 2023 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2023 phải được xây dựng trên cơ sở dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng đến số thu NSNN năm 2023 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2023.

- Toàn bộ số thu từ sử dụng đất quốc phòng, an ninh theo cơ chế thí điểm trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh; thu từ sắp xếp lại nhà đất, xử lý tài sản công, thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp

NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi chủ sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí) chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

- Đối với khoản thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các địa phương, nhưng các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

2.2. Xây dựng dự toán thu từ các hoạt động xuất nhập khẩu:

- Căn cứ vào dự báo tăng trưởng kim ngạch của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại; chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, đặc biệt là các mặt hàng truyền thống có nguồn thu chủ lực và các mặt hàng mới phát sinh.

- Xét đến các yếu tố tác động như: Dự kiến biến động giá trong nước và giá thị trường quốc tế của những mặt hàng có số thu NSNN lớn; biến động giá dầu thô trên thế giới; tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền của các đối tác thương mại chiến lược; tác động giảm thu từ việc thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và thực thi cam kết trong năm 2023; mức độ thuận lợi hóa thương mại và ảnh hưởng của các hàng rào kỹ thuật; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị;...

2.3. Xây dựng dự toán số hoàn thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT:

Căn cứ vào tình hình thực tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn; kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu, tổng số dự án và vốn đầu tư được cấp phép mới, tiến độ đầu tư của các dự án đầu tư đang triển khai và dự án đầu tư mới, các dự án đầu tư kết thúc giai đoạn đầu tư và chuyển sang giai đoạn hoạt động kinh doanh tại địa bàn để tính đúng, tính đủ, kịp thời số hoàn thuế giá trị gia tăng dự kiến phát sinh trong năm 2023 theo các chính sách, chế độ hiện hành và chế độ chính sách mới có hiệu lực thi hành. Xây dựng dự toán số hoàn thuế giá trị gia tăng gắn liền với yêu cầu tăng cường công tác quản lý hoàn thuế, giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng để đảm bảo đúng thực tế phát sinh, đúng chính sách chế độ.

2.4. Dự toán thu NSNN (bao gồm cả thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu) cần dự kiến phân hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật.

3. Xây dựng dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các Luật có liên quan; các quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên NSNN; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách, chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị.

Ưu tiên và tập trung nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Ưu tiên nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở ở những nơi cần thiết, cấp bách; tăng cường thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số. Chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tiết giảm chi phí.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện tiết kiệm triệt để, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2023 trên cơ sở dự toán năm 2022 đã được UBND tỉnh giao và nhu cầu tăng chi phát sinh để thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật có liên quan. Trên cơ sở dự toán thu NSNN năm 2023, Sở Tài chính sẽ xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phương án chi cân đối ngân sách các huyện, thành phố năm 2023 phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương để xác định lại số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thành phố, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định để áp dụng từ năm 2023.

3.1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

Việc xây dựng dự toán chi ĐTPT từ NSNN năm 2023 phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp) được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết 11/NQ-CP và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Ưu tiên bố trí dự toán năm 2023 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan toả, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công, thu hồi vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án hoàn thành trong năm 2023. Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ phải phù hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của HĐND tỉnh, việc điều chuyển nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và nguồn vốn của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của Chính phủ và của tỉnh; tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2023.

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập riêng dự toán năm 2023 cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 11/NQ-CP, đảm bảo mức bố trí 02 năm 2022-2023 đối với các nhiệm vụ này theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, chi tiết theo ngành, lĩnh vực, kèm theo phụ lục chi tiết từng chương trình, dự án, nhiệm vụ; quyết định phê duyệt; tổng mức đầu tư được duyệt; thời hạn khởi công - hoàn thành; số bố trí dự toán năm 2022, số điều chuyển - nếu có và ước thực hiện đến 31/01/2023; đề xuất dự toán năm 2023 (kèm theo thuyết minh).

- Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025, nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với cơ chế tài chính của dự án và tiến độ thực hiện chương trình/dự án, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2023 và không có khả năng gia hạn.

- Căn cứ số đã thu, đã chi ĐTPT từ nguồn quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa được quyết toán; số đã nộp

NSNN các năm trước chưa sử dụng và dự toán thu NSNN từ nguồn thu quản lý, sử dụng, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước năm 2023, các cơ quan, đơn vị lập dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu này theo quy định, trong đó, làm rõ các dự án đã hoàn thành chưa được quyết toán do chưa được bố trí dự toán ngân sách; các dự án được phê duyệt sử dụng từ nguồn tiền bán tài sản trên đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã nộp ngân sách nhưng chưa sử dụng; các dự án dự kiến sử dụng nguồn thu này phát sinh trong năm 2023; tổng hợp trong dự toán chi ĐTPT các cơ quan, đơn vị gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Đối với nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư ngoài cân đối NSNN: Lập dự toán các nhiệm vụ ĐTPT theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị) theo từng lĩnh vực chi; gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan đầu tư, tài chính cùng cấp.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; dành tối thiểu 10% tổng số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và Quyết định số 191/QĐ-TTg ngày 08/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Tiếp tục sử dụng toàn bộ nguồn thu từ xổ số kiến thiết cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề (bao gồm cả đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông) và lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên chi thực hiện các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu, nông thôn mới và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

3.2. Về xây dựng dự toán chi thường xuyên:

- Các sở, ngành, các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi thường xuyên năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh

phí sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định. Không bố trí chi thường xuyên cho các nhiệm vụ mới về cải tạo, nâng cấp, mở rộng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025), riêng đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016.

- Dự toán chi thường xuyên năm 2023 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW; trong đó, quỹ lương tính theo biên chế được giao (nếu có) hoặc theo Kết luận số 28-KL/TW, trên cơ sở đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2023 so với năm 2022; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hoá, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi ĐTPT và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.

- Dự toán chi hoạt động năm 2023 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 và Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Cụ thể:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023.

+ Thực hiện giảm dự toán đối với các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2021, mục tiêu thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 và Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và thực hiện quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền (nếu có).

+ Dự kiến việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

*** Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2023:**

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Đề nghị làm rõ:

+ Số biên chế được giao năm 2023 (nếu có), trường hợp chưa được giao biên chế thì tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với trường hợp đến hết năm 2022 chưa thực hiện được mục tiêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2022 đối với trường hợp đã đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 39-NQ/TW, trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2022, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2023 nêu trên.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo: (i) Quỹ tiền lương theo chỉ tiêu biên chế được giao năm 2023 xác định như trên, bao gồm quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01/7/2022, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và quỹ lương của số biên chế chưa tuyển (nhưng vẫn trong tổng mức biên chế được giao), tính trên cơ sở lương 1.490.000 đồng/tháng và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định; (ii) Giảm quỹ tiền lương đối với các trường hợp phải tiếp tục tinh giản biên chế.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Các địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức

thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo quy định (trong đó xác định rõ kinh phí bảo đảm xây dựng, hoàn thiện pháp luật là kinh phí đầu tư cơ bản cho hạ tầng pháp lý theo Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020) và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

- Tổng hợp kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2023 theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức:

+ Căn cứ các Hiệp định, thoả thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ, tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); đối với các địa phương, phân định cụ thể nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

+ Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại (đối với các nhiệm vụ chuyển tiếp), cơ quan, đơn vị được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

3.3. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

3.4. Dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công

Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Đối với kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công, các cơ quan, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ, chức năng được giao thực hiện lập dự toán chi theo chế độ nhà nước quy định.

3.5. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3.6. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ:

Các cơ quan, đơn vị thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của cơ quan, đơn vị.

3.7. Dự toán dự phòng NSNN:

Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thành phố, ngân sách xã, phường, thị trấn bố trí dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2023; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2023 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN

cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

III. Lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025

1. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch:

Căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi ĐTPT giai đoạn 2021-2025 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên năm 2022; Căn cứ Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2022-2024 đã được rà soát và cập nhật vào thời điểm 31/3/2022; căn cứ thoả thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn ngoài nước đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2023-2025; quy định về thời kỳ ổn định NSNN; căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2023-2025 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo và dự toán ngân sách năm 2023 lập theo quy định, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 theo quy định.

Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị cấp tỉnh trong các năm 2023-2025 tăng hoặc giảm lớn so với dự toán (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm) và ước thực hiện chi năm 2022, lớn hơn khả năng nguồn lực tài chính - NSNN mà cơ quan tài chính, đầu tư đã cập nhật, thông báo cho 03 năm 2023-2025; các đơn vị cấp tỉnh có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

Dự toán chi năm 2023-2025 xây dựng với mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. Sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền về phương án thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp sẽ thông báo, hướng dẫn cụ thể sau.

Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2023.

2. Lập kế hoạch thu ngân sách nhà nước:

- Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2023-2025 được lập được lập theo yêu cầu quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời:

+ Khả năng phát triển kinh tế từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong 2022-2024 phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và nội dung triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ;

các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

+ Các yếu tố dự kiến làm tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW; triển khai các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; một số chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức.

+ Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2023-2025, phân đầu tốc độ tăng thu nội địa không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế khoảng 8-9%/năm; tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 5%/năm. Mức tăng thu cụ thể của từng địa phương có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2023-2025 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

- Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: Thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi ngân sách nhà nước:

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023-2025 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập theo yêu cầu quy định tại mục 1 nêu trên; dự toán năm 2023 được lập ở phần II hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia), chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 28-KL/TW và tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2023-2025.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở tình hình thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022 kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tổ chức công tác hướng dẫn, xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nội dung của Hướng dẫn này; báo cáo đầy đủ nội dung và các biểu mẫu có liên quan tại Hướng dẫn này gửi Sở Tài chính.

2. Các sở, ban ngành quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch,...; dự kiến nhiệm vụ, mức kinh phí thực hiện chương trình năm 2023 gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán năm 2023 về chi đầu tư phát triển, phương án phân bổ chi đầu tư phát triển để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

4. Cục thuế tỉnh Nam Định hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị trực thuộc, các cấp, các ngành để thực hiện xây dựng, tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 toàn tỉnh theo mẫu biểu quy định và các biểu gửi kèm công văn này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi báo cáo Tổng cục thuế, Bộ Tài chính, đồng thời gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung dự toán thu, chi ngân sách năm 2023.

5. Về biểu mẫu, thời gian lập và báo cáo dự toán ngân sách năm 2023:

- Đối với các sở, ban ngành tổng hợp và báo cáo Sở Tài chính dự toán NSNN theo các biểu mẫu của Phụ lục số 2 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định, biểu mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 30/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP và các biểu mẫu theo quy định.

Ngoài ra, các sở, ngành khi báo cáo Bộ quản lý ngành về kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách năm 2023 của sở, ngành mình đồng thời gửi Sở Tài chính để thống nhất khi báo cáo Chính phủ và Bộ Tài chính.

- Đối với các huyện, thành phố lập báo cáo gửi Sở Tài chính theo các mẫu biểu quy định.

Lưu ý: Các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tải mẫu biểu báo cáo tại địa chỉ Website Sở Tài chính: <http://sotaichinh.namdinh.gov.vn>

- Về thời gian gửi báo cáo: Các cấp, các ngành gửi dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 về Sở Tài chính trước ngày 10/9/2022.

Sở Tài chính sẽ phối hợp với Cục Thuế tỉnh bố trí thảo luận dự toán ngân sách năm 2023 với các Sở, ngành và các huyện, thành phố (khi các đơn vị có đề nghị).

Trong quá trình xây dựng dự toán ngân sách năm 2023, nếu có vướng mắc đề nghị các cấp, các ngành phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư, Cục thuế tỉnh và các ngành có liên quan nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- | | | |
|---------------------------------|--|-----|
| - Thường trực Tỉnh uỷ; | | Đề |
| - Thường trực HĐND tỉnh; | | Báo |
| - Thường trực UBND tỉnh; | | cáo |
| - Cục Thuế tỉnh; | | |
| - Chi Cục Hải quan tỉnh; | | |
| - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; | | |
| - UBND các huyện, TP; | | |
| - Phòng TC-KH các huyện, TP; | | |
| - Website Sở Tài chính; | | |
| - Lưu: VT, TCHCSN, QLNS. | | |

GIÁM ĐỐC

Phạm Thành Trung